TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **58/**2019/HS-ST
Ngày: 24/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di.

2. Ông Phạm Lê Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thanh Lê Anh Tuấn, Thư ký tòa án huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Hứa Hải Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2019/HSST, ngày 03 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1994, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn V1, xã V, huyện W, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn A1 và bà: Nguyễn Thị A2; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt ngày 22.3.2019 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Phong. Có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thanh F1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: dân phố 28, thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

2. Đặng Hữu F2, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn V1, xã V, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

3. Nguyễn Thành F3, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Z, xã Z1, huyện Z2, tỉnh Bình Thuận. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Lê Văn F4, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn V1, xã V, huyện W, tỉnh Bình Thuận. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Đỗ Thị F5, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn Z7, xã Z8, huyện Z2, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

2. Lương Cọoc F6, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Z9, xã Z1, huyện Z2, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

3. Ngô Quốc F7, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Z, xã Z1, huyện Z2, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 08/3/2019, Nguyễn Văn A sinh năm 1994 trú tại thôn V1, xã V, huyện W là người nghiện ma túy, A đi bộ từ nhà A đến khu vực hồ tôm gần bồn dầu Dương Đông thuộc thôn V1, xã V, huyện W để tìm tài sản trộm cắp. A nhìn thấy 01 xe mô tô loại FERROLI màu xám đen, biển số 86B1-036.51 của Nguyễn Thành F3 dựng tại bụi cây không có người trông coi. A đi đến gần xe mô tô của F3 gỡ bình xe, nối dây điện rồi cho nổ máy xe chạy đi đến tiệm phế liệu của Đỗ Thị F5 tại thôn Z7, xã Z8, huyện Z2 bán cho F5 giá 500.000 đồng. F5 và một số người dân nghi ngờ xe mô tô do A trộm cắp được mà có nên giữ chân A lại và cùng người dân trình báo công an xã Z8, huyện Z2 đến thu giữ xe mô tô 86B1-036.51 sau đó mời A về trụ sở công an xã Z8 làm việc và chuyển giao vụ việc cùng xe mô tô 86B1-036.51 của Nguyễn Thành F3 về Công an xã Hòa Phú, huyện Tuy Phong xử lý.

Qua làm việc lấy lời khai, Nguyễn Văn A khai nhận ngoài lần trộm cắp xe của F3 vào ngày 08/3/2019, A còn thực hiện 03 vụ trộm cắp xe mô tô trước đó, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng 7 giờ 30 ngày 16/01/2019, Nguyễn Văn A đi bộ đến khu vực Thổ Mộ tại thôn V1, xã V, huyện W để tìm kiếm tài sản trộm cắp. A nhìn thấy 01 xe mô tô loại wave RSX màu vàng đen, biển số 86B1-213.35 của Lê Văn F4 sinh năm 1969 trú tại thôn V1, xã V, huyện W không có người trông coi. A đi đến tháo bộ phận đề, đấu nối dây điện rồi chạy đến nhà Ngô Quốc F7 sinh năm 1989 tại thôn Z, xã Z1, huyện Z2 nhờ F7 mượn số tiền 600.000 đồng nhưng để lại chiếc xe 86B1-213.35 cho F7. Do quen biết với A, F7 không biết là xe do A trộm cắp nên F7 mượn số tiền 600.000 đồng của Nguyễn Văn B đưa cho A, sau đó F7 dắt xe mô tô 86B1 - 213.35 đến nhà Nguyễn Văn B cất giữ khi nào A trả tiền thì giao xe cho A. Trong lúc giao xe cho F7, A phát hiện trong cốp xe 86B1-213.35 có số tiền 3.000.000 đồng là tài sản của Lê Văn F4, A lấy số tiền này cất giấu trong người.

Lần 2: Khoảng 7 giờ 30 ngày 12/02/2019 Nguyễn Văn A đi bộ đến khu vực bãi biển thuộc thôn V1, xã V, huyện W. A phát hiện xe mô tô loại xe Wave màu đỏ đen, biển số 86H7- 2296 của Nguyễn Thanh F1 sinh năm 1990 đang dựng không có người trông coi, A tháo bộ phận bình đề, đấu nối dây điện rồi nổ máy chạy đến nhà của Nguyễn Trường H (Cồ) sinh năm 1986 tại thôn Z, xã Z1, huyện Z2 bán cho H với giá 700.000 đồng. Sau khi mua xe mô tô 86H7- 2296 H bỏ đi khỏi địa phương nên chưa làm việc được với H.

Lần 3: Tiếp tục đến khoảng 2 giờ 00 ngày 20/02/2019 tại khu vực bãi biển gần bồn dầu Dương Đông thuộc thôn V1, xã V, huyện W. Nguyễn Văn A nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 86H7 - 5321 của Đặng Hữu F2 sinh năm 1993, trú tại thôn V1, xã V, huyện W đang dựng tại vị trí cây bồn bồn không có người trông coi. A đi tới tháo bộ phận bình xe, đấu nối dây điện rồi chạy đến khu vực cầu Sông Cạn, xã Z1, huyện Z2 bán cho Lương Cọoc F6 (Cố Lùng) với giá 900.000 đồng.

Lương Cọoc F6 khai nhận: không mua xe mô tô 86H7 - 5321 của A mà khai rằng vào ngày 09/3/2019 có một người đàn ông (không rõ họ tên) đến tiệm của F6 tại thôn Z9, xã Z1, huyện Z2 nhờ F6 sửa xe (làm máy). Sau khi bị thu xe người đàn ông không đến tiệm sửa xe của F6 để hỏi việc xử lý xe mô tô như thế nào.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 22.3.2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Tuy Phong kết luận:

- 01 chiếc xe biển số 86B1-036.51 nhãn hiệu FERROLI màu xám đen có giá trị **3.000.000** đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 22.3.2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Tuy Phong kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 86B1-213.35 nhãn hiệu Honda loại wave RSX màu vàng đen có giá trị **11.000.000** đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 22.3.2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Tuy Phong kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 86H7-2296 nhãn hiệu Honda loại xe Wave màu đỏ đen có giá trị: **6.850.000** đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 22.3.2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Tuy Phong kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 86H7-5321 giá trị **420.000** đồng.

Tại bản kết luận giám định số 425A/KLGĐ-PC09 ngày 14/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

- Xe mô tô, không mang biển kiểm soát có số máy là: VHLFM152FMH – V100620; số khung là: RMNWCH9MN6H0006 (dấu chấm là ký tự bị tẩy xóa, không xác định được).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 49/CT-VKS-TP ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A mức án từ **18** tháng đến **24** tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số 49/CT-VKS-TP ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, bị cáo không bị bức cung và Cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận đây là vụ án Trộm cắp tài sản, xảy ra nhiều lần từ các ngày 16/01/2019, 12/02/2019, 20/02/2019 và ngày 08/3/2019 tại khu vực xã V, huyện W. Nguyễn Văn A đã 04 lần trộm cắp 04 xe mô tô gồm: 01 xe mô tô biển số 86B1 – 036.51 của Nguyễn Thành F3 giá trị 3.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 86B1 – 213.35 của Lê Văn F4 giá trị 11.000.000 đồng và số tiền 3.000.000 đồng trong cốp xe của F4; 01 xe mô tô biển số 86H7 - 2296 của Nguyễn

Thanh F1 giá trị 6.850.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 86H7- 5321 của Đặng Hữu F2 giá trị 420.000 đồng. Nguyễn Văn A đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và số tiền tổng giá trị là 24.270.000 đồng thì bị phát hiện, thu giữ tang vật.

Vì vậy, Cáo trạng số 49/CT-VKS-TP ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là công dân có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để sử dụng ma túy bị cáo đã cố tình thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 24.270.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải tuyên phạt bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc đủ để răn đe, giáo dục và tuyên truyền phòng ngừa chung.

Bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần (trong đó có 03 lần giá trị tài sản trên 2.000.000đ), đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ngoài lần trộm cắp bị bắt, bị cáo đã tự nguyện khai báo 03 lần trộm cắp trước đó đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo xét thấy rằng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với Ngô Quốc F7, Nguyễn Văn B do không biết tài sản do Nguyễn Văn A trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Trường H (Cồ) là người đã mua xe của A, hiện nay H đã đi khỏi địa phương, hiện không rõ ở đâu nên sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[4] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo đã gây ra.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại Lê Văn F4 có đơn yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường 3.000.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo A đồng ý bồi thường cho bị hại Lê Văn F4 nên công nhận thỏa thuận của các bên, buộc bị cáo A phải bồi thường cho bị hại Lê Văn F4 3.000.000đ.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô của Lê Văn F4, 01 xe mô tô Nguyễn Thanh F1, 01 xe mô tô Nguyễn Thanh F3, cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị hại là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát của người bị hại Đặng Hữu F2 có số khung, số máy đã bị đục thay đổi, không gắn biển kiểm soát hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong là tài sản của người bị hại Đặng Hữu F2 nhưng người bị hại có yêu cầu từ chối nhận lại nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A mức án **18(mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22.3.2019.

[2] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Áp dụng: Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường cho Lê Văn F4 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô của Đặng Hữu F2 hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phong).

[4] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/6/2019). Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Bị cáo, bị hại;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã Hòa Phú (thay cho thông báo);
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Trí